

**PHỤ LỤC 1B: DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ, PHỤ KIỆN THANH LÝ ĐỢT 2/2025 THUỘC CHẤT THẢI NGUY HẠI - Cơ sở 2**

STT	Mã vật tư	Mã chất thải nguy hại, chất thải rắn	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ ERP	Số lượng
<b>I</b>	<b>Kho Văn phòng Công ty, Cơ sở 2</b>					
1	3.10.55.027.000.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đỡ thanh cái	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
2	3.10.88.076.000.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi polymer 110kV - 120KN	Chuỗi	Hàng đề nghị thanh lý	210,00
3	3.10.88.077.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi sứ thủy tinh 70KN	Chuỗi	Hàng đề nghị thanh lý	1.404,00
4	3.10.88.128.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi sứ thủy tinh 120KN	Chuỗi	Hàng đề nghị thanh lý	336,00
5	3.10.88.131.000.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi polymer 110kV - 70KN	Chuỗi	Hàng đề nghị thanh lý	989,00
6	3.10.88.802.000.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi sứ polymer 110kV - 70kN	Chuỗi	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
7	3.42.10.002.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Dao cách ly 110kV	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
8	3.42.28.015.VIE.00.D10	190205	Motor điều khiển tự động 0,5HP	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
9	3.60.36.032.ENG.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5-240V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	402,00
10	3.60.36.076.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57.7/100V-240/415V) CCX 0.5S (kèm module)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
11	3.60.46.006.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
12	3.60.46.013.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P PLC nhiều biểu giá TT 5(100)A 220/380V CCX1	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
13	3.60.46.014.ENG.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P GT 5(6)A 230/400V CCX 0.5 (kèm RS232)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	168,00
14	3.60.46.043.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P 40(100)A-230/400V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	57,00
15	3.60.46.045.ENG.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3 pha 40(100)A-230/400V (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	521,00
16	3.60.46.055.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1 (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
17	3.60.46.115.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 3 pha 3 giá TT 3x10(100)A 230/400V CCX:1 (kèm module)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
18	3.60.55.045.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1-10(40)A 220V PLC	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	209,00
19	3.60.55.047.VIE.00.D10	190205	Công tơ điện từ 1pha 3 giá 10(100)A 220V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
20	3.60.55.048.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1 pha 3 giá 5(80)A 220V CCX1	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
21	3.60.55.053.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
22	3.60.55.061.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V CCX1	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
23	3.60.55.070.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1 pha nhiều biểu giá TT 10(100)A CCX1- 2 chiều	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
24	3.60.55.109.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1 pha 3 giá GT 5(10)A 220V CCX1 không module (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
25	3.60.55.308.VIE.00.D10	190205	Công tơ điện từ 2 chiều 3P nhiều biểu giá GT 3x5(6)A, 3x(57,7/100-230/400V),CCX:0.5S không module	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
26	3.60.55.356.VIE.00.D10	190205	Công tơ điện từ 2 chiều 3P nhiều biểu giá TT 3x10(100)A, 3x230/400V,CCX:1 module PLC (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
27	3.60.56.020.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1P TT 20(80)A 220V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
28	3.60.56.080.VIE.00.D10	190205	Điện kế điện từ 1 pha 1 giá TT PLC 10(80)A 220V CCX1 (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	32,00

29	3.62.95.516.000.00.D10	190205	Tủ sạc ACCU 110VDC	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
30	3.62.95.708.000.00.D10	190205	Tủ phân phối nguồn DC	Tủ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
31	3.62.95.709.000.00.D10	190205	Tủ phân phối nguồn AC	Tủ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
32	3.62.96.024.000.00.D10	190205	Tủ hợp bộ máy cắt 24KV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
33	3.66.77.032.000.00.D10	190205	Bộ tín hiệu 32 kênh	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
34	3.80.88.661.000.00.D10	190205	Máy rửa xe	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
35	3.94.87.010.000.00.D10	190205	Ti vi phế liệu	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
36	4.94.60.150.CHN.00.D10	190205	Micro có dây	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
37	4.94.70.009.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Quạt trần	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
38	4.94.70.010.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Ghế xoay	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
39	4.94.70.071.VIE.00.D10	160106	Bình thủy điện	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
40	4.94.70.296.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Ghế sắt bọc nệm	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
41	5.16.10.003.VIE.00.D10	190601	Bình ắc quy	Bình	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
42	5.65.90.015.000.00.D10	190203	Máy lạnh 1,5HP	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
43	5.90.02.019.000.00.D10	190205	Bộ chuyển nguồn 110VDC/220VAC	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
44	5.90.02.960.VIE.00.D10	190205	Điện thoại bàn	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
45	8.32.92.085.VIE.00.D10	190205	Máy bơm nước 1/2HP	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
46	8.71.02.001.VIE.00.D10	190205	Đồng hồ đo VOLT	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
47	8.88.00.034.CHN.00.D10	190205	Máy photocopy	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
48	3.60.46.018.VIE.00.B10	190205	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 220/380V CCX1	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
49	3.60.46.045.ENG.00.B10	190205	Điện kế điện từ 3 pha 40(100)A-230/400V (ĐKD)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
50	5.16.12.040.000.00.B10	190601	Bình ắc quy 12V - 40AH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,00
51	5.90.02.126.000.00.B10	Chất thải rắn	Quạt CPU máy vi tính	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
52	8.32.92.087.VIE.00.B10	190205	Máy bơm nước 1HP	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
53	8.32.92.090.VIE.00.B10	190205	Máy bơm nước 1,5HP-220VAC	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
<b>II</b>	<b>Đội Quản lý điện Đồng Phú</b>					
1	3.10.86.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đứng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
2	8.40.60.001.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Nhựa các loại	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	0,10
3	3.10.86.223.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ LINEPOST 24KV	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
4	3.60.90.021.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 3 pha composit	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
5	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	45,00

6	3.60.90.110.000.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
7	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	45,00
8	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	32,00
<b>III Đội Quản lý điện Đồng Xoài</b>						
1	3.10.86.223.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Sứ linepost 24KV	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
2	3.10.86.223.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ LINEPOST 24KV	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
3	3.10.88.883.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Cách điện polymer 24kV-70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	154,00
4	5.20.00.011.VIE.00.D10	190203	Giàn nóng máy lạnh	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
5	5.20.00.026.VIE.00.D10	190203	Giàn lạnh máy lạnh	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
6	3.60.90.021.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 3 pha composit	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	17,00
7	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	116,00
8	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	21,00
9	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	122,00
<b>IV Đội Quản lý điện Chơn Thành</b>						
1	3.10.88.824.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Cách điện treo polymer 24KV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
2	3.10.88.883.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Cách điện polymer 24kV-70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
3	3.64.34.102.VIE.00.B10	170304	Tụ bù trung thế 1 pha 1 sứ 12,7KV-100 KVAR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
4	3.64.34.100.VIE.00.B10	170304	Tụ bù trung thế 1 pha 1 sứ 13,2kV-100KVAR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
5	3.64.34.010.VIE.00.B10	170304	Tụ bù trung thế 1 pha 1 sứ 13,2kV-200kVAR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
6	3.10.86.223.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Sứ linepost 24KV	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	109,00
7	3.10.88.883.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Cách điện polymer 24kV-70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
8	3.10.86.023.VIE.00.B10	Chất thải rắn	SỨ ĐÚNG 24KV + chân sứ đỉnh góc	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00
<b>V Đội Quản lý điện Hớn Quản</b>						
1	5.65.90.013.VIE.00.D10	190205	CPU phế liệu	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
2	5.90.02.948.VIE.00.D10	190205	Màn hình máy vi tính	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
3	8.88.02.008.VIE.00.D10	190205	Máy tính bảng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
4	3.10.86.223.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Sứ linepost 24KV	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	227,00
5	3.10.88.011.VIE.00.B10	Chất thải rắn	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
<b>VI Đội Quản lý điện Bình Long</b>						
1	3.10.86.223.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ LINEPOST 24KV	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	19,00
2	3.10.88.824.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Cách điện treo polymer 24KV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	26,00

3	3.60.90.021.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 3 pha composit	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
4	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	13,00
5	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
6	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
7	4.94.40.128.CHN.00.D10	190205	Máy in	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
8	4.94.60.009.VIE.00.D10	190205	Máy đếm tiền	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
9	4.94.70.055.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Ghế các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
10	5.90.02.968.VIE.00.D10	190205	Điện thoại di động	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
11	8.88.02.008.VIE.00.D10	190205	Máy tính bảng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
12	8.88.31.104.000.00.D10	190203	Tủ lạnh	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
13	8.88.40.011.VIE.00.D10	190205	Máy vi tính để bàn	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
<b>VII Đội Quản lý điện Lộ Ninh</b>						
1	3.10.88.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi treo Polymer 24KV 70KN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	108,00
2	3.10.88.070.000.00.D10	Chất thải rắn	Sứ treo thủy tinh 70KN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
3	3.60.90.021.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 3 pha composit	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
4	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	203,00
5	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	68,00
6	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
<b>VIII Đội Quản lý điện Bù Đốp</b>						
1	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	23,00
2	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	35,00
3	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	28,00
4	4.90.10.001.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp nhựa phế liệu các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	83,00
<b>IX Đội Quản lý điện Bù Gia Mập</b>						
1	3.10.08.004.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ ống chỉ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	243,00
2	3.10.08.006.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ chằng nhỏ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
3	3.10.86.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đứng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	284,00
4	3.10.88.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi treo Polymer 24KV 70KN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	69,00
5	3.06.40.724.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Đà composite 75x75x6x2400MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
6	3.06.40.730.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Đà composite 75x75x6x800MM	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
7	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	39,00
8	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
9	3.06.40.681.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Thanh chống composite 60x10-920 MM	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00

10	3.06.40.752.VIE.00.B10	Chất thải rắn	Đà composite 75x75x6 - 810mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00
<b>X</b>	<b>Đội Quản lý điện Phước Long</b>					
1	3.62.95.266.RUS.00.B10	190205	Tủ điều khiển máy cắt 35kV (trong nhà)	Tủ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
2	3.10.88.824.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Cách điện treo polymer 24KV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
3	4.94.70.009.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Quạt trần	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
4	4.94.70.071.VIE.00.D10	160106	Bình thủy điện	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
5	8.40.10.002.VIE.00.D10	190205	Bình nóng lạnh	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
6	3.64.34.100.VIE.00.D10	170304	Tụ bù trung thế 1 pha 1 sứ 13,2kV-100KVAR	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
7	3.64.35.200.000.00.D10	170304	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 200kVAR	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
8	4.94.70.010.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Ghế xoay	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
9	4.94.70.055.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Ghế các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	18,00
10	4.94.70.296.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Ghế sắt bọc nệm	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
11	3.10.08.004.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ ống chi	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	53,00
12	3.10.55.464.000.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đỡ 35kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
13	3.10.86.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đứng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	113,00
14	3.10.88.017.000.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đỡ 15kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
15	3.10.88.011.000.00.D10	Chất thải rắn	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	20,00
16	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	30,00
<b>XI</b>	<b>Đội Quản lý điện Phú Riêng</b>					
1	4.90.10.001.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp nhựa phế liệu các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
2	3.10.86.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đứng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	44,00
3	3.10.88.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi treo polymer 24kv 70kn	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	24,00
4	3.60.90.021.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 3 pha composit	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
5	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	85,00
6	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
7	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	40,00
<b>XII</b>	<b>Đội Quản lý điện Bù Đăng</b>					
1	3.10.86.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Sứ đứng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
2	3.10.88.024.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Chuỗi treo Polymer 24KV 70KN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	88,00
3	4.90.10.001.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp nhựa phế liệu các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
4	3.60.90.021.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 3 pha composit	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
5	3.60.90.105.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	76,00
6	3.60.90.110.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	43,00

7	3.60.90.111.VIE.00.D10	Chất thải rắn	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	Hàng để nghị thanh lý	31,00
<b>XIII</b>	<b>Trung tâm Thí nghiệm điện</b>					
1	5.26.00.013.KOR.00.B10	Chất thải rắn	Heo trắng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
2	5.20.00.265.KOR.00.B10	190205	Cảm biến hành trình (xe hotline)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
3	3.70.12.004.VIE.00.000	Chất thải rắn	Giấy cách điện	Kg	Hàng mới	139,13